TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:269/2020/DS-ST Ngày: 11/09/2020 *V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông **Đỗ Thanh Hiền**

2/Bà **Trần Ngọc Bảo Châu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2020/TLST-DS ngày 03/6/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-DS ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐ-HPT ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trương Minh T** sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp N xã DĐ, CT, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: **Lê Thụy Cẩm T1** sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp BTT, xã BP, CG, Tiền Giang

2. Bị đơn: **Dương Quốc T2**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp H xã DĐ, CT, tỉnh Tiền Giang

(Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thụy Cẩm T1 trình bày:

Vào ngày 22/7/2019 anh T2 có mượn của anh T số tiền là 85.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 31/12/2019, tới ngày 30/7/2019 anh T2 mượn anh T thêm 118.000.000 đồng không ghi thời hạn trả, chỉ thỏa thuận miệng là trả cùng thời điểm là ngày 31/12/2019, tổng cộng hai lần mượn 203.000.000 đồng, các giấy biên nhận mượn tiền đều do bị đơn anh T2 đồng ý ký tên. Từ khi mượn tiền cho tới nay anh T2 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, cho đến nay vẫn còn nợ số tiền 203.000.000 đồng, nay anh T khởi kiện yêu cầu phía bị đơn anh T2 trả số tiền nợ gốc 203.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả: đối với số tiền

85.000.000 đồng yêu cầu trả lãi chậm trả từ 01/01/2020 đến 11/9/2020 tính tròn 09 tháng, với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 6.349.500 đồng.Đối với số tiền 118.000.000 đồng không ghi thời hạn trả nên tính lãi chậm trả từ ngày 24/6/2020 (sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/6/2020 là ngày mà Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn để bị đơn biết nguyên đơn đã yêu cầu trả nợ) đến 11/9/2020 làm tròn 02 tháng với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 1.958.800 đồng.Tổng tiền lãi yêu cầu trả là 8.308.300 đồng.Thực hiện trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Dương Quốc T2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Dương Quốc T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Dương Quốc T2.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện yêu cầu anh T2 trả số tiền nợ gốc 203.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa anh T và anh T2 là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào các "Giấy mượn tiền" ngày 22/7/2019 và 30/7/2019, bản tự khai cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định: vào ngày 22/7/2019 anh T2 có mượn của anh T số tiền là 85.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 31/12/2019, tới ngày 30/7/2019 anh T2 mượn anh T thêm 118.000.000 đồng không ghi thời hạn trả, chỉ thỏa thuận miệng là trả cùng thời điểm là ngày 31/12/2019, tổng cộng hai lần mượn 203.000.000 đồng, các giấy biên nhận mượn tiền đều do bị đơn ký tên. Từ khi mượn tiền cho tới nay anh T2 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền, cho đến nay vẫn còn nợ số tiền 203.000.000 đồng, nay anh T khởi kiện yêu cầu phía bị đơn anh T2 trả số tiền nợ gốc 203.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả: đối với số tiền 85.000.000 đồng yêu cầu trả lãi chậm trả từ 01/01/2020 đến 11/9/2020 tính tròn 09 tháng, với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 6.349.500 đồng.Đối với số tiền 118.000.000 đồng không ghi thời hạn trả nên tính lãi chậm trả từ ngày 24/6/2020 (sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/6/2020 là ngày mà Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn để bị đơn biết nguyên đơn đã yêu cầu trả nợ) đến 11/9/2020 làm tròn 02 tháng với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 1.958.800 đồng.Tổng tiền lãi yêu cầu trả là 8.308.300 đồng.Thực hiện trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho anh T, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T cụ thể đến ngày 31/12/2019 là đến hạn trả số tiền 85.000.000 đồng nhưng bị đơn không thực hiện trả nợ gốc, đối với số tiền 118.000.000 đồng không ghi thời hạn thì từ khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn để bị đơn biết nguyên đơn đã yêu cầu trả nợ thì đến nay bị đơn cũng không thực hiện trả nợ.Bị đơn anh T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, khi được Tòa án tống đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy mượn tiền có chữ ký của anh T2 thì anh T2 cũng không có ý kiến hay yêu cầu phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 203.000.000

đồng và yêu cầu trả tiền lãi chậm trả: đối với số tiền 85.000.000 đồng yêu cầu trả lãi chậm trả từ 01/01/2020 đến 11/9/2020 tính tròn 09 tháng, với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 6.349.500 đồng.Đối với số tiền 118.000.000 đồng không ghi thời hạn trả nên tính lãi chậm trả từ ngày 24/6/2020 (sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/6/2020 là ngày mà Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn để bị đơn biết nguyên đơn đã yêu cầu trả nợ) đến 11/9/2020 làm tròn 02 tháng với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền 1.958.800 đồng.Tổng tiền lãi yêu cầu trả là 8.308.300 đồng. Yêu cầu trả nợ gốc và lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 203.000.000 đồng nợ gốc và 8.308.300 đồng tiền lãi chậm trả.Thực hiện trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

Do nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: 1/*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Minh T*

Buộc bị đơn Dương Quốc T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trương Minh T số tiền nợ gốc 203.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả 8.308.300 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Hoàn lại nguyên đơn Trương Minh T số tiền 5.117.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0002800 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Bị đơn Dương Quốc T2 phải chịu 10.565.425 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.